

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS)

Mã chứng khoán: CSI

Địa chỉ trụ sở chính: F301, tầng 3 tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3926 0099

Fax: (84-24) 3926 3411

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thành Lê

Địa chỉ: F301, tầng 3 tòa nhà TTTM Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-24) 3926 0099

Loại thông tin công bố 24 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Ngày 10/05/2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam đã ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm Định Giá Việt Nam để thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2019; Kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2019; Báo cáo tài chính tại thời điểm hoàn thành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu (nếu có) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/05/2019 tại đường dẫn: https://vn-cs.com/Tin_Co_Dong/?lang=vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, TGD (để b/c);
- Lưu VP.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Thành Lê

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2019

Số: 208 /HĐKT/TC/AVA

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm 2019; Kiểm toán Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2019;

Báo cáo tài chính tại thời điểm hoàn thành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu (nếu có)
của

Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi các Bên:

BÊN A:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
Người đại diện	Ông Nguyễn Thành Lê
Chức vụ	Tổng Giám đốc
	Đại diện theo Giấy ủy quyền số 02/2019/UQ-VNCS ngày 01/01/2019
Địa chỉ	F301, Tòa nhà Trung tâm Thương mại Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại	(+84) 24 3926 0099
Fax:	(+84) 24 3926 3411
Mã số thuế	0102973463
Tài khoản số	12510001035882
Tại ngân hàng	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô
BÊN B:	CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Người đại diện	Ông Ngô Quang Tiến
Chức vụ	Phó Tổng Giám đốc
	Đại diện theo Giấy ủy quyền số 08/UQ/TVKT ngày 01/01/2019 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ VPGD	Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Mỹ Trì, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	024.38689566; 024.38689588; Fax : 024.38686248
Mã số thuế	0102051074
Tài khoản số	26086889
Tại Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại CP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội

ĐIỀU 1 : NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ:

+ Soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019, Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2019, 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán và năm tài chính kết thúc cùng ngày.

+ Soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

+ Kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm hoàn thành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu (nếu có).

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

2.1.1. Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

(d) Bên A có quyền từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm toán.

2.1.2. Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

2.1.3. Phối hợp, tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

2.1.4. Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.1.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1. Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực

và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

2.2.2. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán tối thiểu trước 05 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ các thông tin liên quan đến cuộc kiểm toán cho bất kỳ một Bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

2.2.3. Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

2.2.4. Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

2.2.5. Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

2.2.7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

+ 20 bộ báo cáo (10 Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2019, 10 Báo cáo soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 10 tháng đầu năm 2019) kèm theo Báo cáo tài chính đã được soát xét, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan;

+ 20 bộ báo cáo (10 Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019, 10 Báo cáo kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2019) kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan;

+ 10 bộ Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính tại thời điểm hoàn thành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chi phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

74-
TY
HỮU
ÁN
NH G
NAM
N-T
C
G TY
PHÂN
KHO
THIẾT
NAM
T.P

ĐIỀU 4 : PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **80.000.000 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng).

Phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT.

4.2. Điều khoản thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí dịch vụ kiểm toán như sau:

- Lần 1: Thanh toán 50% tổng phí dịch vụ trong vòng 5 ngày ngay sau khi ký hợp đồng;
- Lần 2: Thanh toán nốt 50% số phí dịch vụ còn lại sau khi Bên B phát hành đầy đủ báo cáo kiểm toán và hóa đơn GTGT cho Bên A.

Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

5.1. Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản theo địa chỉ trên đây.

5.2. Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là không quá hai tuần làm việc kể từ ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán bao gồm việc hoàn thành các Báo cáo kiểm toán như nêu tại Điều 3 và bàn giao đầy đủ cho Bên A các báo cáo này.

5.3. Trường hợp có thỏa thuận khác liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được hai Bên thỏa thuận thống nhất và lập thành văn bản được gọi là Phụ Lục. Phụ Lục là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này.

5.4. Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai Bên lựa chọn.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

6.1. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

6.2. Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc 

NGUYỄN THÀNH LÊ

ĐẠI DIỆN BÊN B
P. Tổng Giám đốc 

NGÔ QUANG TIẾN

Số: 08/UQ/AVA

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc Hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;

Căn cứ vào điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Căn cứ giấy chứng nhận kinh doanh số 0102051074 ngày 10/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp và đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 8 ngày 11/9/2017;

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho việc giải quyết kịp thời hàng ngày yêu cầu của công việc;

Tôi, **Nguyễn Minh Hải** – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Nay ủy quyền cho:

Ông **Ngô Quang Tiến** - Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Được quyền:

Trực tiếp giao dịch, đàm phán ký kết với khách hàng các hợp đồng kinh tế, thanh lý các hợp đồng kinh tế và ký các báo cáo kết quả dịch vụ kiểm toán, tư vấn và các công việc khác thuộc lĩnh vực được Tổng Giám đốc Công ty phân công.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019 hoặc khi có thông báo khác.

Người được ủy quyền là người chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Công ty về các nội dung và các công việc được ủy quyền.

Người được ủy quyền

Ngô Quang Tiến

Tổng Giám đốc



Ths. Nguyễn Minh Hải

Nơi nhận:

- Người được ủy quyền và người ủy quyền
- Các phòng, ban trong Công ty
- Lưu văn thư